



I. HIỆN TRẠNG DNVVN

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) ở nước ta phát triển tự phát khá nhanh, chiếm tỷ trọng gần 90% trong tổng số doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Theo số liệu thống kê thì nước ta có 26.000 DNVVN hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, dịch vụ và gần 6.000 DNVVN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chiếm tỷ trọng 25%. DNVVN đã đóng một vai trò quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế, hàng năm DNVVN tạo ra hơn 31% giá trị sản lượng công nghiệp, đóng góp khoảng 25% giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và đã giải quyết việc làm cho khoảng 8 triệu lao động, chiếm 25% lực lượng lao động toàn xã hội.

Tuy nhiên cơ chế cạnh tranh của nền kinh tế thị trường và tình hình khủng hoảng tài chính kinh tế của các nước trong khu vực cũng như trên thế giới đã có tác động ảnh hưởng không nhỏ làm cho các DNVVN ở nước ta bộc lộ những mặt hạn chế và đã gặp không ít khó khăn nhất định. Cụ thể là:

1. Việc đầu tư của DNVVN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất để tạo ra sản phẩm vật chất không bằng đầu tư vào kinh doanh, thương mại, dịch vụ. Đây là mặt tồn tại trong thực trạng phát triển DNVVN, hạn chế phần nào vai trò của loại hình DN này trong phát triển kinh tế. Điều đó còn phản ánh sự bất cập của chính sách vĩ mô, thiếu một chiến lược phát triển DNVVN lâu dài. Mặt khác, do tình trạng hàng biên giới, hàng đã qua sử dụng, hàng nhập lậu tràn ngập trên

NHỮNG GIẢI PHÁP HỖ TRỢ CẤP THIẾT ĐỂ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NƯỚC TA

PTS. VÕ PHƯỚC TẤN

thị trường với giá rẻ cũng là rào cản việc thu hút các nhà đầu tư trong nước.

2. Tình trạng thiếu vốn là nghiêm trọng và đáng lo ngại. Nếu như vốn lưu động của DNVVN chỉ đạt 20% so với nhu cầu, thì vốn đăng ký của hàng vạn DNVVN chỉ vón vón có 17 tỷ đồng. Đa số các DNVVN hiện không có đủ điều kiện thế chấp theo yêu cầu của ngân hàng để vay vốn, tỷ trọng vốn vay ngân hàng của DNVVN chỉ chiếm 20% nhu cầu vốn hoạt động. Nhìn chung các DNVVN đều dựa vào nguồn vốn tự có là chính hoặc huy động vốn từ người thân, người quen... Việc các DNVVN không sử dụng được nguồn vốn tín dụng là hạn chế lớn nhất đối với sự phát triển của

loại hình doanh nghiệp này.

3. Trình độ công nghệ, trang thiết bị, máy móc vừa cũ, vừa lạc hậu lại không đồng bộ đã hạn chế rất lớn khả năng cạnh tranh của DNVVN ở nước ta.

4. Lực lượng công nhân kỹ thuật và lao động lành nghề được đào tạo còn quá ít, hạn chế cả về trình độ hiểu biết lại biến động nên việc quản lý và sử dụng lao động ở các DNVVN vô cùng khó khăn, cộng với đội ngũ cán bộ thiếu kỹ năng quản lý dẫn đến hiệu quả hoạt động của DNVVN không cao, năng suất lao động thấp, thu nhập không ổn định.

5. Các chính sách vĩ mô và vi mô nhằm hỗ trợ các DNVVN còn hạn chế, nặng về hình thức, thiếu hướng

dẫn cụ thể như chính sách đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, chính sách vay vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi nhằm giải quyết việc làm cho người lao động. Các hệ thống thông tin, các dịch vụ tư vấn về mặt hàng, khách hàng, thị trường, công nghệ, thiết bị, luật pháp, thông lệ quốc tế về kinh doanh... hầu như chưa đáp ứng được nhu cầu của các DNVVN.

6. Những khó khăn phiên toái đối với các DNVVN xung quanh các thủ tục về thuế, hải quan, nhà đất... vẫn còn là nỗi lo lắng, băn khoăn của các doanh nghiệp hiện nay.

II. CÁC GIẢI PHÁP

Vì vậy để có thể phát triển DNVVN ở nước ta, cần có những giải pháp hỗ trợ cụ thể sau:

Thứ nhất; Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ thiết thực các DNVVN tìm kiếm khách hàng và những cơ hội kinh doanh, đặc biệt là chú trọng tới thị trường xuất khẩu; giúp cung cấp thông tin miễn phí cho các DNVVN về khách hàng, về thị trường.

Thứ hai; Nhà nước và ngân hàng nên có chính sách hỗ trợ vốn cho các DNVVN.

- + Được vay vốn tín dụng với các thủ tục không nên quá phức tạp, rườm rà, các quy định về thế chấp, công chứng, lệ phí, thời gian, cần sửa đổi cho rõ ràng, hợp lý, đơn giản hơn.

- + Tăng thêm nguồn vốn trung dài hạn với lãi suất ưu đãi các DNVVN đầu tư mở rộng sản xuất và hiện đại hóa trang thiết bị.

- + Việc trợ giúp vốn không nên dừng lại ở sự hỗ trợ ban đầu mà Nhà nước cần liên tục trợ giúp các doanh nghiệp trong quá trình phát triển để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý sao cho DNVVN ổn định hoạt động lâu dài.

Thứ ba; về thuế GTGT nên sửa đổi hợp lý và có khuyến khích đối với hoạt động SXKD của DNVVN.

- + Không nên tính thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu chưa sản xuất để tránh cho DN phải vay vốn nhập nguyên liệu còn phải vay vốn để nộp thuế.

- + Các DNVVN làm hàng gia công trong nước để xuất khẩu nên áp dụng thuế suất 0% nếu chứng minh được là hàng xuất khẩu để tránh trường hợp vừa phải nộp thuế đầu vào, lại được hoàn thuế ở đầu ra.

- + Nên hợp lý thời gian hoàn thuế và nộp thuế để tránh tình trạng doanh nghiệp bị đọng vốn.

Thứ tư; Nhà nước nên có định hướng phát triển quy hoạch ngành nghề phù hợp với từng giai đoạn, có kết hợp với yếu tố vùng lãnh thổ để tránh lãng phí trong đầu tư, giảm thiểu việc cạnh tranh không lành

manh của các DN và đặc biệt là khai thác có hiệu quả nguồn lực của đất nước, chẳng hạn như hướng dẫn DN lựa chọn sản phẩm, ngành nghề sản xuất theo thị trường, lựa chọn công nghệ mới và phương thức quản lý khoa học, tiên tiến.

Thứ năm; đẩy mạnh và cụ thể hơn nữa chính sách khuyến khích và ưu đãi các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ như được miễn giảm thuế, được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm với lãi suất ưu đãi.

Thứ sáu; chú trọng hơn nữa việc đào tạo công nhân lành nghề cho các DNVVN. Nhà nước nên đầu tư mạnh cho các trường, các trung tâm thậm chí các doanh nghiệp có điều kiện để đào tạo công nhân lành nghề với chất lượng cao và cung ứng cho các DNVVN trong giai đoạn hiện nay.

Thứ bảy; có chính sách thưởng

cuộc đàm phán song phương về hiệp định thương mại với các nước phát triển trên thế giới (như Mỹ) để giúp cho các DNVVN làm hàng xuất khẩu được hưởng thuế suất thấp theo quy chế tối huệ quốc (MFN - Most Favoured nation) hay quan hệ thương mại bình thường (NTR - Normal Trade Relation) và có thể cạnh tranh với hàng xuất khẩu của các nước trong khu vực.

Thứ mười; Nhà nước nên thành lập ban chỉ đạo hỗ trợ các DNVVN trực thuộc chính phủ để giúp đỡ và giải quyết các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của loại hình doanh nghiệp này, tổ chức gắn kết giữa các DNVVN với nhau, cũng như giữa DNVVN với DNNN. Nhà nước cần có biện pháp kiên quyết, hiệu quả và thường xuyên hơn trong việc ngăn chặn hàng nhập lậu, kể cả xem xét đánh thuế nặng tại



khuyến khích và trợ giá xuất khẩu cho các DNVVN.

- + Việc xét thưởng cho các DNVVN làm hàng xuất khẩu không nên định mức chung theo chỉ tiêu doanh số cao mà nên có mức vừa phải cho các DNVVN phấn đấu.

- + Cần có chính sách trợ giá cho các mặt hàng xuất khẩu của các DNVVN để ổn định sản xuất trong thời gian đầu tìm kiếm thâm nhập thị trường. Đây cũng là kinh nghiệm của các nước trong khu vực.

Thứ tám; Bộ KHMT và sở KHMT nên có chương trình hỗ trợ các DNVVN triển khai từng bước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, cũng như hướng dẫn các doanh nghiệp nhận thức, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đạt ISO 9000 vào một thời điểm cụ thể (có thể trước năm 2003).

Thứ chín; đẩy mạnh hơn nữa các

nơi tiêu thụ hàng hóa này.

Thứ mười một; cần đẩy mạnh cải cách thủ tục nhà nước một cách triệt để hơn nữa, cải cách phải gắn liền với đổi mới tư duy. Các thủ tục về hành chính, nhà đất, hải quan nên sửa đổi cho bớt rườm rà, bớt phiền hà, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ mười hai; biện pháp cuối cùng không kém phần quan trọng là phải tạo một hành lang pháp lý an toàn cho hoạt động của DNVVN. Các chính sách đưa ra phải nhất quán, hợp lý và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Có như vậy các nhà doanh nghiệp mới yên tâm làm ăn, các nhà đầu tư trong ngoài nước mới mạnh dạn đầu tư để phát triển sản xuất kinh doanh góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình CNH - HĐH đất nước ■